TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày: 20 - 9 - 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Võ Văn Tín**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Mưng Niê**

2. Ông **Trương Quang Chinh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Văn Chinh** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông **Y Đum Kpă** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B.

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt;

2. Bị đơn: Ông Trương Quang H, sinh năm 1961và bà Mai Thị T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (đã được niêm yết hợp lệ lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 20/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Do quen biết với nhau nên vợ chồng ông Trương Quang

H, bà Mai Thị T có vay của vợ chồng tôi hai lần với tổng số tiền nợ gốc là 105 triệu đồng, các lần vay cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 03/3/2016 vợ chồng ông H, bà T vay số tiền nợ gốc là 95 triệu đồng. Thời hạn trả nợ vào ngày 03/12/2017.

Lần thứ hai: Vào ngày 16/10/2016 vợ chồng ông H, bà T tiếp tục vay thêm số tiền 10 triệu đồng, thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 20/12/2017.

Cả hai lần vay trên lãi suất chúng tôi đều thỏa thuận với nhau bằng miệng, ông H có viết giấy nhận nợ viết tay và không cầm cố thế chấp tài sản gì.

Mặc dù vợ chồng tôi đã đến nhà ông H, bà T yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông H, bà T vẫn chây ì, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và không trả cho vợ chồng tôi khoản tiền gốc hay lãi nào.

Vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Quang H, bà Mai Thị T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng tôi số tiền nợ gốc là 105 triệu đồng và khoản nợ lãi như sau:

Đối với khoản tiền 95 triệu đồng: 95.000.000 đồng x 1%/tháng x 33 tháng (từ ngày 03/3/2016 đến ngày 03/12/2018 là 31.350.000 đồng.

Đối với khoản tiền 10.000.000 đồng x 1%/tháng x 25 tháng 17 ngày từ ngày 16/10/2016 đến ngày 03/12/2018 là 2.556.000 đồng.

Tổng cộng buộc ông H, bà T có nghĩa vụ phải trả cho vợ chồng tôi là 138.906.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi xem xét lại thì vợ chồng tôi thấy rằng chỉ có một mình ông Trương Quang H trực tiếp đứng ra giao dịch vay tiền, bà Mai Thị T không biết, cũng không ký vào giấy vay nên vợ chồng tôi thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc một mình ông Trương Quang H có nghĩa vụ phải trả cho vợ chồng tôi số tiền nợ gốc là 105.000.000 đồng và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tống đạt và niêm yết hợp lệ, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn vợ chồng ông Trương Quang H, bà Mai Thị T nhưng ông H, bà T vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc lần nào và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dụng vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trương Quang H, bà Mai Thị T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy

định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, chi phí giám đinh buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B khởi kiện ông Trương Quang H, bà Mai Thị T về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo các giấy vay tiền nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và xác minh nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng vay tài sản. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng ông Trương Quang H, bà Mai Thị T nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và không nộp văn bản trình bày ý kiến. Mặc dù, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H, bà T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận bà Mai Thị T không ký vào các giấy vay, một mình ông Trương Quang H trực tiếp giao dịch vay tiền, bà T cũng không biết về việc vay tiền nên thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Quang H có nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy việc thay đổi một phần khởi kiện không vượt quá quá phạm vi khởi kiện phù hợp với khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Trương Quang H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B thấy rằng: Ông Trương Quang H có vay của ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B là có thật, bởi lẽ căn cứ vào giấy các giấy vay tiền vào ngày 03/3/2016 thể hiện ông H có vay ông Th, bà B số tiền nợ gốc là 95 triệu đồng. Thời hạn trả nợ vào ngày 03/12/2017 và giấy vay tiền vào ngày 16/10/2016 thể hiện ông H tiếp tục vay thêm số tiền 10 triệu đồng, thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 20/12/2017. Do ông Trương Quang H cố tình trốn không đến Tòa án làm việc nên theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã quyết định trưng cầu giám định chữ ký, tại Kết luận giám định số 60/PC09 ngày 26/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận "*Chữ ký, chữ viết mang tên Trương Quang H trong các tài*

liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trương Quang H trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20160171 đề ngày 16 tháng 5 năm 2016 (kí hiệu M1) là do cùng một người ký và viết ra". Do đó, nguyên đơn ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B yêu cầu ông Trương Quang H có nghĩa vụ trả các khoản nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về khoản nợ gốc: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 03/3/2016 và giấy vay tiền ngày 16/10/2016 thì ông Trương Quang H vay của vợ chồng ông Th, bà B tổng cộng hai lần là 105.000.000 đồng (lần một: 95 triệu đồng và lần hai: 10 triệu đồng) nên cần chấp nhận buộc ông Trương Quang H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B số tiền nợ gốc là 105.000.000 đồng.

Về khoản nợ lãi: Hai bên không có thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng vay nên xác định Hợp đồng vay tài sản không có lãi, có kỳ hạn. Nguyên đơn yêu cầu lãi tính chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên cần tính lại cho phù hợp với khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể tính như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả đối với khoản nợ 95.000.000 đồng là 95.000.000 đồng x 10 %/năm x 21 tháng 17 ngày (từ ngày 03/12/2017 đến ngày 20/9/2019) = **17.073.000** đồng.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả đối với khoản tiền 10.000.000 đồng là 10.000.000 đồng x 10 %/năm x 21 tháng (từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/9/2019) = **1.750.000** đồng (lấy tròn).

Tổng số tiền nợ lãi ông Trương Quang H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B là 17.073.000 đồng cộng với 1.750.000 đồng bằng 18.823.000 đồng.

Như vậy, cần buộc ông Trương Quang H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B số tiền nợ gốc **105.000.000** đồng và nợ lãi **18.823.000** đồng, tổng cộng là **123.823.000** đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng*).

[3]. Chí phí giám định: Chi phí tố tụng là 5.040.000 đồng (*Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*), kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông Trương Quang H có nghĩa vụ phải chịu 5.040.000 đồng tiền giám định là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Buộc ông Trương Quang H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B số tiền đã tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 5.040.000 đồng.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Trương

Quang H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 123.823.000 đồng x 5% = 6.191.150 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B.

1. Buộc ông Trương Quang H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B tổng số tiền nợ là 123.823.000 đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 105.000.000 đồng *(Một trăm linh năm triệu đồng)* và nợ lãi là 18.823.000 đồng *(Mười tám triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng)*.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tính lãi chậm trả trên khoản tiền nợ gốc trong giai đoạn thi hành án.

2. Về chí phí giám định: Buộc ông Trương Quang H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B số tiền đã tạm ứng chi phí tố tụng là 5.040.000 đồng (*Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trương Quang H phải chịu 6.191.150 đồng (*Sáu triệu một trăm chín mươi mốt nghìn một trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Văn Th, bà Trần Thị B số tiền 3.473.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0010001, ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tín